



WWF Vietnam Country Office Tel: +84 247193049
No.6, Lane 18, Nguyen Co Thach Fax: +84 24 7193048
Street, Tu Liem District, Hanoi -
Viet Nam

Request for Proposal (RFP)/Hồ sơ mời nộp đề xuất

Issuing Organization/ Phát hành bởi:	WWF-Viet Nam	Solicitation Type:	<input type="checkbox"/> RFQ <input checked="" type="checkbox"/> RFP
Name of purchase package/tên gói thầu: Consultant for Environmental assessment to optimize farming practices and Design multi-species aquaculture options for the shrimp–mangrove model in Ca Mau Province/Chuyên gia tư vấn đánh giá môi trường nhằm tối ưu hóa thực hành canh tác và thiết kế các lựa chọn nuôi trồng thủy sản đa loài cho mô hình tôm–rừng ngập mặn tại tỉnh Cà Mau			
Bid Reference No/Số hiệu gói thầu:		FY26-1109	
Issue Date/ngày phát hành:	05 May 2026		
Submission Deadline/Hạn nộp HSĐX:	5.PM (ICT) on 15 May 2026		
Contact Email:	uyen.phamthuc@wwf.org.vn duy.nguyenphuong@wwf.org.vn		

1. Background and scope of work

WWF International invites qualified consultants to submit the proposal for the assignment described in accordance with **Attachment 1 – Terms of reference**

2. Submission Requirements

- Technical Proposal
- Financial Proposal

3. Evaluation & Award

RFP: Proposals will be evaluated based on **technical quality and financial proposal** as prescribed in the attached TOR.

4. Submission Instructions

Submit proposals to: uyen.phamthuc@wwf.org.vn & duy.nguyenphuong@wwf.org.vn

Subject line: “[FY26-1109] Proposal [Consultant for Environmental assessment to optimize farming practices and Design multi-species aquaculture options for the shrimp–mangrove model in Ca Mau Province] – [Bidder Name]”

Deadline: **by 5. PM (ICT) dated 15 May 2026**

Currency: VND/USD (*Bids submitted in multiple currencies shall be converted into a single currency for evaluation using the telegraphic transfer buying rate published by Citibank on the bid closing date, to ensure fairness and comparability*)

Late submissions will not be considered.

5. Terms & Conditions

- Offers must remain valid for **90 days**.
- WWF-Viet Nam reserves the right to accept or reject any proposal.
- WWF-Viet Nam may request clarification or additional information from the consultant.

6. Attachments

- Annex 1: Terms of Reference
- Annex 2: Proposal Submission Forms
- Annex 3: WWF General Terms and Conditions

Representative of the WWF-Viet Nam
(*Approved*)

Project Manager
WWF-Viet Nam

Annex 1: TERM OF REFERENCE/ ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Consultant for Environmental assessment to optimize farming practices and Design multi-species aquaculture options for the shrimp–mangrove model in Ca Mau Province
Chuyên gia tư vấn đánh giá môi trường nhằm tối ưu hóa thực hành canh tác và thiết kế các lựa chọn nuôi trồng thủy sản đa loài cho mô hình tôm–rừng ngập mặn tại tỉnh Cà Mau

Project code/Mã dự án: 40010131/410213/210000(51xx)

1. Background of consultancy assignment/ project / *Bối cảnh dự án*

The Mekong Delta’s coastal zone—particularly Cà Mau province—hosts one of Viet Nam’s most important remaining mangrove ecosystems, yet it is increasingly threatened by coastal and riverbank erosion, conversion for aquaculture, and climate change impacts such as sea level rise, saline intrusion, and more extreme weather. Mangroves are critical natural infrastructure: they protect shorelines and communities, sustain biodiversity and fisheries productivity, and store significant amounts of “blue carbon”. At the same time, many coastal households depend on mangrove–aquaculture systems for income, and unsustainable practices can further degrade mangrove cover and ecosystem connectivity. In this context, the project “**Blue Climate for people and nature: Mangrove Restoration in Ca Mau province to enhance ecosystem and community climate adaptation**” aims to support mangrove restoration and improved management alongside climate-smart, inclusive livelihood models and strengthened multi-stakeholder governance, generating evidence and practical solutions that can be endorsed by local authorities and scaled across the wider Mekong Delta landscape. The project will be implemented from January 2026 to December 2032 in Ca Mau Province. The project will directly impact: (i) 1,500 hectares of mangroves, including 105 ha of new plantation, 20 ha designated as no-harvesting area, and the restoration/conservation of 1,375 hectares; and (ii) 1,500 households will benefit from sustainable mangrove–aquaculture farming and mangrove reforestation, of which 660 households will adopt improved aquaculture models on the ground. The remaining households will benefit through additional mangrove planting activities and participation in the project’s technical training sessions.

*Vùng ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long—đặc biệt là tỉnh Cà Mau—là nơi còn lại một trong những hệ sinh thái rừng ngập mặn quan trọng nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, khu vực này đang ngày càng bị đe dọa bởi xói lở bờ biển và bờ sông, chuyển đổi đất cho nuôi trồng thủy sản, cùng các tác động của biến đổi khí hậu như mực nước biển dâng, xâm nhập mặn và thời tiết cực đoan gia tăng. Rừng ngập mặn là một dạng “hạ tầng tự nhiên” then chốt: giúp bảo vệ đường bờ và cộng đồng ven biển, duy trì đa dạng sinh học và năng suất nghề cá, đồng thời lưu giữ lượng lớn “carbon xanh”. Đồng thời, nhiều hộ ven biển phụ thuộc vào các mô hình sinh kế kết hợp rừng ngập mặn–nuôi trồng thủy sản để tạo thu nhập; và nếu thực hành không bền vững, các hoạt động này có thể tiếp tục làm suy giảm diện tích rừng ngập mặn và tính kết nối của hệ sinh thái. Trong bối cảnh đó, dự án “**Hỗ trợ phục hồi rừng ngập mặn, tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của hệ sinh thái và cộng đồng tại tỉnh Cà Mau, Việt Nam**” (thuộc Chương trình khí hậu xanh cho con người và thiên nhiên)” hướng tới hỗ trợ phục hồi rừng ngập mặn và cải thiện công tác quản lý, song hành với các mô hình sinh kế thích ứng khí hậu, bao trùm, và tăng cường cơ chế quản trị đa bên. Dự án sẽ tạo ra bằng chứng và các giải pháp thực tiễn có thể được chính quyền địa phương ghi nhận và nhân rộng trên phạm vi rộng hơn của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Dự án được triển khai tại tỉnh Cà Mau từ tháng 01/2026 đến tháng 12/2032. Dự án sẽ tạo tác động trực tiếp gồm: (i) 1.500 ha rừng ngập mặn, trong đó có 105 ha trồng mới, 20 ha*

được bố trí là khu vực không khai thác, và 1.375 ha được phục hồi/bảo tồn; và (ii) 1.500 hộ gia đình được hưởng lợi từ canh tác bền vững theo mô hình rừng ngập mặn–nuôi trồng thủy sản và hoạt động trồng lại rừng ngập mặn, trong đó 660 hộ sẽ áp dụng các mô hình nuôi trồng thủy sản cải tiến trực tiếp tại thực địa. Các hộ còn lại sẽ hưởng lợi thông qua các hoạt động trồng rừng bổ sung và tham gia các buổi tập huấn kỹ thuật của dự án

Among mangrove-based livelihood models, the shrimp–mangrove (mangrove–aquaculture) model is increasingly promoted as a Nature-based Solution (NbS), aiming to balance mangrove conservation, biodiversity protection, and local livelihoods. To strengthen the environmental performance and long-term viability of this model in Cà Mau Province, WWF-Viet Nam seeks the consultant team to conduct an environmental assessment to optimize farming practices and to design context-appropriate multi-species aquaculture options that are compatible with mangrove conservation objectives.

Trong số các mô hình sinh kế dựa vào rừng ngập mặn, mô hình tôm–rừng ngập mặn (rừng ngập mặn–nuôi trồng thủy sản) ngày càng được thúc đẩy như một giải pháp dựa vào thiên nhiên (NbS), hướng đến cân bằng giữa bảo tồn rừng ngập mặn, bảo vệ đa dạng sinh học và sinh kế địa phương. Nhằm tăng cường hiệu quả môi trường và tính khả thi dài hạn của mô hình này tại tỉnh Cà Mau, WWF-Việt Nam đang tìm kiếm nhóm chuyên gia tư vấn để thực hiện đánh giá môi trường nhằm tối ưu hóa các thực hành canh tác và đề xuất các phương án nuôi trồng thủy sản đa loài phù hợp với bối cảnh địa phương, đồng thời tương thích với các mục tiêu bảo tồn rừng ngập mặn.

2. Objective of the consultancy / Mục tiêu

Assess environmental conditions, propose optimized farming practices and multi-species options for the shrimp–mangrove model within ecological carrying capacity, ensuring mangrove protection.

Đánh giá điều kiện môi trường, đề xuất tối ưu hóa thực hành canh tác và mô hình nuôi đa loài cho mô hình tôm–rừng ngập mặn trong giới hạn sức tải sinh thái, bảo đảm bảo vệ rừng ngập mặn.

3. Activities / Hoạt động

- Review documents/standards relevant to shrimp–mangrove farming, environmental requirements for appropriate species and mangrove protection/restoration.

Rà soát các tài liệu/tiêu chuẩn liên quan đến mô hình nuôi tôm–rừng ngập mặn, bao gồm các yêu cầu môi trường đối với các loài phù hợp và các yêu cầu về bảo vệ/phục hồi rừng ngập mặn.

- Conduct participatory baseline assessment in target areas (current farming practices, mangrove status, key environmental conditions).

Thực hiện đánh giá hiện trạng có sự tham gia tại các khu vực dự án (mô hình canh tác hiện tại, hiện trạng rừng ngập mặn, các điều kiện môi trường then chốt)

- Assess environmental constraints and ecological carrying capacity to identify opportunities/risks and define environmentally safe practice ranges.

Đánh giá các ràng buộc về mặt môi trường và sức tải sinh thái để xác định cơ hội/rủi ro và xác lập ngưỡng/phạm vi thực hành canh tác an toàn về môi trường

- Develop optimized farming practice recommendations and design multi-species aquaculture options for the shrimp–mangrove model consistent with mangrove protection.

Xây dựng khuyến nghị tối ưu hóa thực hành nuôi và xây dựng các phương án nuôi thủy sản đa loài cho mô hình tôm–rừng ngập mặn, bảo đảm phù hợp với mục tiêu bảo vệ rừng ngập mặn

- Facilitate stakeholder consultation workshop to validate findings/options and finalize the recommendations/options package.

Điều phối hội thảo tham vấn các bên liên quan để thảo luận về các phát hiện chính/các phương án đề xuất, đồng thời hoàn thiện khuyến nghị/phương án

4. Scope of work/ Phạm vi công việc

- Work plan & stakeholder mapping: meeting with WWF-Viet Nam to identify key stakeholders and finalize the detailed workplan and data collection plan.

Kế hoạch triển khai và xác định các bên liên quan: Làm việc với WWF-Việt Nam để xác định các bên liên quan chính và thống nhất kế hoạch triển khai chi tiết kèm kế hoạch thu thập dữ liệu.

- Desk review & tool preparation: review relevant documents/standards and prepare survey tools/methods (e.g., PRA checklists as needed).

Rà soát tài liệu & chuẩn bị công cụ: Rà soát các tài liệu/tiêu chuẩn liên quan và xây dựng bộ công cụ/phương pháp khảo sát (ví dụ: bảng kiểm PRA nếu cần).

- Field works: Conduct field visits and stakeholder consultations to collect the data on environmental conditions, current farming practices, and mangrove status in target areas.

Khảo sát hiện trường: Thực hiện các chuyến khảo sát và tham vấn các bên liên quan để thu thập dữ liệu về điều kiện môi trường, thực hành nuôi hiện tại và hiện trạng rừng ngập mặn tại các khu vực dự án.

- Data analysis & option design: Analyze findings to identify key environmental constraints/opportunities, inform practice optimization, and design feasible multi-species aquaculture options within ecological carrying capacity.

Phân tích dữ liệu & thiết kế phương án: Phân tích kết quả để xác định các ràng buộc/cơ hội môi trường chính yếu, làm cơ sở tối ưu hóa thực hành nuôi, và thiết kế các phương án nuôi đa loài khả thi trong giới hạn sức tải sinh thái.

- Draft deliverables: Prepare draft optimized farming practice recommendations and multi-species options package (with implementation notes).

Sản phẩm dự thảo: Soạn thảo khuyến nghị tối ưu hóa thực hành nuôi và gói phương án nuôi đa loài (kèm hướng dẫn/ghi chú triển khai).

- Validation workshop(s): Share drafts with stakeholders and collect feedback in consultation workshop organized by WWF-Viet Nam

Hội thảo tham vấn bên liên quan: Chia sẻ bản dự thảo kết quả và thu nhận ý kiến góp ý tại hội thảo do WWF-Việt Nam tổ chức.

- Final deliverables: Finalize the environmental assessment summary; the optimized practices and multi-species options based on feedback.

Sản phẩm đầu ra cuối cùng: Hoàn thiện tóm tắt đánh giá môi trường với khuyến nghị tối ưu hóa thực hành canh tác và phương án nuôi đa loài trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan.

5. Timeline / Khung thời gian thực hiện

Expected time is from 15 May to 20 July 2026

Thời gian triển khai kỳ vọng từ 15/05/2026 đến hết 20/07/2026

6. Outputs/ Đầu ra

The consultant team will submit a final report package in Vietnamese summarizing the environmental of the shrimp–mangrove model in Ca Mau, and providing recommendations to optimize farming practices as well as proposed multi-species aquaculture options that are compatible with mangrove protection.

Nhóm chuyên gia tư vấn sẽ nộp bộ báo cáo cuối cùng bằng tiếng Việt, tóm tắt đánh giá môi trường của mô hình tôm–rừng ngập mặn tại Cà Mau; đồng thời đưa ra khuyến nghị tối ưu hóa thực hành canh tác và đề xuất các phương án nuôi trồng thủy sản đa loài phù hợp với mục tiêu bảo vệ rừng ngập mặn, kèm theo các phụ lục liên quan.

7. Required profile /Yêu cầu năng lực:

WWF-Viet Nam encourages proposals from a team/consortium. The team shall include an Aquaculture specialist (shrimp–mangrove, improved extensive shrimp farming, BMPs) and an Environmental specialist (water/soil/hydrology assessment and ecological carrying capacity/risk).

WWF-Việt Nam khuyến khích các đề xuất từ nhóm/liên danh tư vấn. Nhóm tư vấn cần bao gồm: Chuyên gia nuôi trồng thủy sản (mô hình tôm–rừng ngập mặn, nuôi tôm quảng canh cải tiến, BMPs/Thực hành quản lý tốt nhất); và Chuyên gia Môi trường (đánh giá nước/đất/thủy văn và sức tải sinh thái/rủi ro).

Knowledge/Expertise: / Kiến thức/chuyên môn

- Strong understanding of shrimp–mangrove farming systems, environmental assessment for aquaculture (water/soil, hydrology, seasonality) and ecological carrying capacity and mangrove protection.

Có hiểu biết vững về hệ thống canh tác nuôi tôm–rừng ngập mặn, đánh giá môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản (nước/đất, thủy văn, tính mùa vụ) và sức tải sinh thái cũng như bảo vệ rừng ngập mặn.

- Knowledge of designing/assessing multi-species aquaculture options appropriate for extensive brackish systems.

Có kiến thức về thiết kế/đánh giá các phương án nuôi đa loài phù hợp với hệ thống nước lợ quảng canh.

Experience / Kinh nghiệm:

- Minimum 5 years of experience conducting field surveys/assessments in the Mekong Delta, including participatory approaches and working with diverse stakeholders (farmers, local authorities, technical agencies, companies etc.) in the shrimp or brackish aquaculture sectors.

Ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong thực hiện nghiên cứu đánh giá liên quan tại ĐBSCL, bao gồm các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và kinh nghiệm làm việc với các đơn vị liên quan (nông dân, chính quyền địa phương, đơn vị chuyên môn, công ty,...) trong lĩnh vực sản xuất tôm nước lợ.

Skills and Abilities:

- Strong analytical and reporting skills; ability to produce clear, practical recommendations/options based on assessment findings.

Kỹ năng phân tích và viết báo cáo tốt; có khả năng đưa ra các khuyến nghị/phương án rõ ràng, khả thi dựa trên kết quả đánh giá.

- Effective communication and facilitation skills; ability to work in multi-stakeholder settings and understand local context.

Kỹ năng giao tiếp và điều phối/thúc đẩy thảo luận hiệu quả; có khả năng làm việc trong môi trường đa bên liên quan và am hiểu bối cảnh địa phương

- Good writing and communication in both Vietnamese and English.

Khả năng viết và giao tiếp tốt bằng tiếng Việt và tiếng Anh

8. Budget for the service / Ngân sách

All costs, including consultancy fees, travel, accommodation, and per diems, will be in accordance with WWF-Viet Nam's cost norms/rates.

Tất cả chi phí, bao gồm phí tư vấn, đi lại, lưu trú và phụ cấp, sẽ tuân theo định mức chi phí của WWF-Việt Nam

9. Proposal required / Hồ sơ đề xuất

The proposal may be prepared in either Vietnamese or English. / *Đề xuất có thể được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh;*

Interested experts/consulting teams are requested to submit /*Các chuyên gia/nhóm tư vấn quan tâm cần nộp:*

- (1) If the applicant is a registered legal entity, please submit a service provider profile, including relevant operating licenses/permits (e.g., business registration or establishment/operation license for a company/center/institute or other legal entity) / *Nếu là đơn vị đăng ký pháp nhân: hồ sơ năng lực nhà cung cấp dịch vụ (bao gồm Giấy phép hoạt động nếu là công ty/trung tâm/viện hoặc pháp nhân).*
- (2) Technical and financial proposal clearly outlining: methodology, work plan, activities, and implementation timeline; and a detailed budget estimate using the template table

below (for reference)/ *Đề xuất kỹ thuật và tài chính nêu rõ: phương pháp, kế hoạch làm việc, hoạt động, thời gian thực hiện; dự toán ngân sách theo mẫu bảng dưới đây (tham khảo):*

NO STT	Item Hạng mục	Unit Đơn vị tính	Quality / Số lượng (VND)	Unit cost Đơn giá (VND)	Total Thành tiền	Note / Ghi chú
	Consultant fee (<i>include or exclude PIT</i>)/ <i>Phí tư vấn (gồm</i>					
	<i>Perdiem / Công tác phí</i>					
	<i>Hotel/Lưu trú</i>					
	<i>Travel / Chi phí đi lại</i>					
	Others if any (please specify) <i>Chi phí khác, nêu cụ thể</i>					
	<i>Sub-total Tổng</i>					
	<i>VAT/ PIT (nếu có)</i>					
	<i>Total / Tổng cộng</i>					

- (3) CV of team leader and members / *CV trưởng nhóm và thành viên,*
- (4) For experts currently working for government agencies, please provide an additional confirmation letter using the attached template. / *Đối với chuyên gia đang làm việc cho các cơ quan nhà nước, bổ sung thư xác nhận theo mẫu đính kèm.*

Annex 2: Phụ lục 2: Templates/Biểu mẫu cho tư vấn

Form 1. Technical Proposal/Đề xuất kỹ thuật

Proposed methodologies, approaches, describe your relevant experience and capabilities, and suggest a plan for carrying out the tasks from the consultant (if selected)

Tư vấn đề xuất phương pháp luận, cách tiếp cận, mô tả tính đáp ứng năng lực kinh nghiệm của mình và đề xuất kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (nếu được lựa chọn)

Criteria	Consultant briefing on meeting requirements
1. Relevant experiences for the mission/Kinh nghiệm liên quan cho nhiệm vụ	
- Understanding of the mandate/Hiểu biết về phạm vi và nhiệm vụ được giao	
- Methodology/Phương pháp luận	
- Experience in the field of study/Kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu/chuyên môn	
2. Qualifications/Trình độ/chứng chỉ chuyên môn	
3. Implementation schedule/Tiến độ triển khai	

Full Name and Signature: Date Signed: , 2026

Form 2. Letter of interests

LETTER OF CONFIRMING INTEREST AND AVAILABILITY THƯ XÁC NHẬN QUAN TÂM VÀ KHẢ NĂNG SẴN SÀNG

Date:, 2026

Ngày:, 2026

To: World Wide Fund for Nature-Viet Nam (WWF-Viet Nam)

Kính gửi: World Wide Fund for Nature-Viet Nam (WWF-Viet Nam)

Dear Sir/Madam,

Kính gửi Quý Ông/Bà,

I hereby declare that:

Tôi xin trân trọng tuyên bố rằng:

a) I have read, understood and hereby accept the Terms of Reference (ToR) describing the duties and responsibilities of Individual Consultant to provide assistance to(name of assignment);

a) Tôi đã đọc, hiểu và xin chấp nhận Điều khoản Tham chiếu (ToR) mô tả các nhiệm vụ và trách nhiệm của Tư vấn cá nhân nhằm hỗ trợ cho (tên gói công việc);

b) I hereby propose my services and I confirm my interest in performing the assignment through the submission of the CV which I have duly signed and attached hereto as Annex 1;

b) Tôi xin đề xuất dịch vụ của mình và xác nhận sự quan tâm trong việc thực hiện gói công việc này thông qua việc nộp Hồ sơ năng lực/CV đã được tôi ký xác nhận và đính kèm theo đây tại Phụ lục 1;

c) In compliance with the requirements of the ToR, I hereby confirm that I am available for the entire duration of the assignment, and I shall perform the services in the manner described in the proposed work plan with timeline to carry out the assignment.

c) Theo đúng các yêu cầu của ToR, tôi xác nhận rằng mình sẵn sàng trong toàn bộ thời gian thực hiện gói công việc, và sẽ cung cấp dịch vụ theo kế hoạch công tác và tiến độ đã được đề xuất để triển khai gói công việc.

d) I hereby propose to complete the services based on the following payment rate:

d) Tôi xin đề xuất thực hiện dịch vụ trên cơ sở mức thù lao như sau:

- An all-inclusive daily fee of VND for the daily rate of VND/working day.

- Mức phí trọn gói theo ngày là VNĐ cho mỗi ngày làm việc với đơn giá VNĐ/ngày công.

- A total lump sum of payable in the manner described in the ToR isVND
- Tổng chi phí trọn gói, được thanh toán theo phương thức quy định trong ToR làVND.

e) I recognize that the payment of the abovementioned amounts due to me shall be based on my delivery of outputs within the timeframe specified in the TOR, which shall be subject to WWF-Viet Nam's review, acceptance and payment certification procedures;

e) Tôi thừa nhận rằng việc thanh toán các khoản nêu trên cho tôi sẽ căn cứ trên kết quả đầu ra được bàn giao trong thời hạn quy định tại ToR, và sẽ chịu sự xem xét, chấp thuận và xác nhận thanh toán của WWF-Việt Nam;

f) This offer shall remain valid for a total period of days after the submission deadline;

f) Đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ;

g) If I am selected for this assignment, I shall sign an Individual Contract with WWF-Viet Nam;

g) Nếu được lựa chọn cho gói công việc này, tôi sẽ ký Hợp đồng Cá nhân với WWF-Việt Nam;

h) I fully understand and recognize that WWF-Viet Nam is not bound to accept this proposal, and I also understand and accept that I shall bear all costs associated with its preparation and submission and that WWF-Viet Nam will in no case be responsible or liable for those costs, regardless of the conduct or outcome of the selection process.

h) Tôi hoàn toàn hiểu và thừa nhận rằng WWF-Việt Nam không bị ràng buộc phải chấp nhận đề xuất này, đồng thời tôi cũng hiểu và chấp thuận rằng mình sẽ tự chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp hồ sơ, và WWF-Việt Nam sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản chi phí nào, bất kể quá trình hay kết quả của việc lựa chọn ra sao.

Full Name and Signature:

Họ tên và chữ ký:

Date Signed:, 2026

Ngày ký:, 2026

Form 3. Curriculum vitae (CV)

CURRICULUM VITAE (CV)/ LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

(Đơn vị tư vấn/Chuyên gia sử dụng sơ yếu lý lịch sẵn có hoặc sử dụng mẫu đính kèm miễn cung cấp đủ thông tin phục vụ đánh giá)

1. **Vị trí đề xuất/Proposed Position** (*Chỉ đề xuất 1 tư vấn cho 1 vị trí/only one candidate shall be nominated for each position*): _____
2. **Tên chuyên gia/Name of Expert** (*Điền đầy đủ họ và tên/Insert full name*): _____
3. **Địa chỉ email/Contact email:** _____ **Điện thoại liên hệ/**
Contact phone No.: _____ **Nơi cư trú/Residential**
4. **Ngày tháng năm sinh/Date of Birth: Quốc tịch/Citizenship:** _____
Mã số thuế cá nhân/ID tax code: _____
5. **Trình độ văn hóa/Education and Trainings** (*Liệt kê bằng tốt nghiệp cao đẳng/đại học và các khóa học chuyên ngành khác của chuyên gia tư vấn, nêu tên trường học, loại bằng cấp và thời gian nhận bằng/Indicate college/university and other specialized education and trainings of expert, giving names of institutions, degrees obtained*):
Loại bằng cấp: _____
Trường học: _____
Thời gian nhận bằng: _____
6. **Thành viên hiệp hội chuyên môn/Membership in Professional Associations:** _____
7. **Lĩnh vực chuyên môn/Areas of expertise:** (*Liệt kê đầy đủ nhất các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của tư vấn/List out as much as possible your professional expertise*)

8. **Kinh nghiệm làm việc với WWF (nếu có)/Previous working experience with WWF, if any** (*Liệt kê các nhiệm vụ tư vấn đã từng đảm nhận tại WWF/List out assignments which expert has worked with WWF*):
Từ (năm)/From (Year): : _____ Đến (năm)To (Year): .
Tên Dự án và địa điểm triển khai Dự án/Project name and location: _____
Vị trí đảm nhận và các nhiệm vụ được phân công Positions held/main assignment : _____
Đồng nghiệp/cấp trên đã từng là cộng sự/Focal point that you worked with: _____
9. **Kinh nghiệm làm việc với các Tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế song phương và đa phương (nếu có)/Previous working experience with INGOs, bi-lateral of multi-lateral international organizations, if any** (*Liệt kê danh sách các tổ chức mà tư vấn đã từng làm việc/List out name of the organizations you have worked with*)
10. **Minh chứng của Sự phù hợp với nhiệm vụ/Relevant Professional Record**
(Tham chiếu tới những Công việc/Nhiệm vụ trước đây mô tả tốt nhất năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao/Describe work undertaken that best illustrates capability and experience to handle the Tasks Assigned)
Từ (năm)/From (Year): : _____ Đến (năm)To (Year): .
Đơn vị sử dụng lao động/Employer: _
Vị trí đảm nhận / Positions held/: _____
11. **Các nghiên cứu liên quan và các bài đã đăng: Relevant Researches, Publications**

(Liệt kê và mô tả các nghiên cứu và bài đăng mô tả tốt nhất năng lực và kinh nghiệm để đảm nhận nhiệm vụ được giao/List and Describe researches and publications that best illustrates capability and experience to handle the Tasks Assigned)

Cam đoan/Certification:

Tôi, ký tên dưới đây, cam đoan là bản CV này mô tả chính xác bản thân tôi, năng lực và kinh nghiệm của tôi. Tôi nhận thức được rằng mọi lời khai không chính xác ở đây đều có thể dẫn đến việc tôi bị Bên mời thầu loại hoặc sa thải./I, the undersigned, certify that to the best of my knowledge and belief, this CV correctly describes my qualifications, and my experience. I understand that any misstatement or misrepresentation described herein may lead to my disqualification or dismissal by the Purchaser.

Tôi đồng ý để WWF-Việt Nam sử dụng dữ liệu của tôi vào danh sách các tư vấn tiềm năng và nhận các thông báo mời thầu phù hợp khi được triển khai/I accept that WWF-Viet Nam can use my data to update WWF's consultant list and send bid invitations to me when properly. *(Lựa chọn/Optional: Tư vấn có thể xóa dòng này nếu không đồng ý để WWF-Việt Nam cập nhật liên hệ của mình vào dữ liệu danh sách chuyên gia/Expert delete this statement if you do not accept to be recorded into WWF's consultant list).*

Đại diện nhà thầu nộp HSDX
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tên tư vấn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày/tháng/năm

Ngày/tháng/năm

Form 4: AGREEMENT TO ESTABLISH A GROUP OF CONSULTANTS/THỎA THUẬN THÀNH LẬP NHÓM TƯ VẤN

_____, date ___ month ___ year/_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Tender Reference: _____ [insert package title]/Mã gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Project: _____ [insert project title]/Dự án: _____ [ghi tên dự án]

Pursuant to the Request for Proposals (RFP) for the package _____ [insert package title] dated ___ month ___ year ___/Căn cứ Hồ sơ yêu cầu (RFP) của gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ban hành ngày ___ tháng ___ năm ___;

We, the undersigned, include/Chúng tôi, các bên ký tên dưới đây, bao gồm:

Name of members: _____ [insert full name of each member]/Tên các thành viên: _____ [ghi đầy đủ tên từng thành viên]

Address/Địa chỉ: _____

Telephone/Điện thoại: _____

Email: _____

Hereinafter collectively referred to as the “Members”, hereby agree to enter into this Agreement to establish a Consultant Group with the following terms and conditions/Sau đây gọi chung là “Các Thành viên”, thống nhất ký kết Thỏa thuận liên danh nhóm tư vấn với các điều khoản và điều kiện như sau:

Article 1. General Principles/ Điều 1. Nguyên tắc chung

1. The Members voluntarily establish a Consultant Group to jointly participate in the selection process for the package ___ [insert package title]/Các Thành viên tự nguyện thành lập Liên danh Nhóm tư vấn để cùng tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu ___ [ghi tên gói thầu].
2. The official name of the Consultant Group for all transactions relating to the package shall be: Consultant Group led by [insert name of Team Leader]/Tên chính thức của Nhóm tư vấn sử dụng trong mọi giao dịch liên quan đến gói thầu là: Nhóm tư vấn do [ghi tên Trưởng nhóm] đứng đầu.
3. Each Member undertakes not to participate independently or in association with any other party in the same selection process for this package/Mỗi Thành viên cam kết không tham gia độc lập hoặc liên danh với bất kỳ bên thứ ba nào khác trong cùng quá trình lựa chọn đối với gói thầu này.

Article 2. Roles and Responsibilities/Điều 2. Vai trò và trách nhiệm

The Members agree to assume joint and several liabilities for the implementation of the package _____ [insert package title] as follows/Các Thành viên thống nhất chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ trong việc thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] như sau:

2.1 Lead Member (Team Leader)/Thành viên đứng đầu (Trưởng nhóm)

The Members hereby designate and authorize ____ [insert name] as the Lead Member (Team Leader) to represent the Consultant Group in all dealings with the Purchaser, including but not limited to/Các Thành viên thống nhất cử và ủy quyền cho ____ [ghi tên] làm Thành viên đứng đầu (Trưởng nhóm), đại diện cho Nhóm tư vấn trong mọi giao dịch với Bên mời thầu, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Signing the Letter of Interest / Expression of Interest (if applicable)/Ký Thư bày tỏ quan tâm (nếu có);
- Signing all correspondence and documents during the selection process, including requests for clarification and responses thereto/Ký toàn bộ văn bản, tài liệu trong quá trình lựa chọn, bao gồm văn bản yêu cầu làm rõ và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ;
- Acting as the focal point for communication with the Purchaser/Là đầu mối liên lạc chính với Bên mời thầu.

2.2 Responsibilities of Members/2.2 Trách nhiệm của các Thành viên

The indicative scope of work and responsibilities of each Member are as follows: ____ [insert detailed scope of work for each member, including the Lead Member].

Phạm vi công việc và trách nhiệm dự kiến của từng Thành viên được phân công như sau: ____ [ghi rõ nội dung công việc của từng thành viên, bao gồm cả Trưởng nhóm].

Article 3. Effectiveness and Termination/Điều 3. Hiệu lực và chấm dứt

This Agreement shall take effect from the date of signing and shall terminate upon the occurrence of any of the following events/Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1. The Consultant Group is not selected for contract award/Nhóm tư vấn không được lựa chọn trúng thầu;
2. The procurement process is cancelled by the Purchaser in accordance with applicable regulations/Quá trình lựa chọn nhà thầu bị hủy theo thông báo của Bên mời thầu theo quy định hiện hành.

This Agreement is made in _____ originals in English and Vietnamese. Each Member retains _____ copies of each language version, all of which are of equal legal validity. In case of discrepancy, the _____ version shall prevail/Thỏa thuận này được lập thành _____ bản gốc bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Mỗi Thành viên giữ _____ bản mỗi ngôn ngữ, có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có khác biệt, bản _____ sẽ được ưu tiên áp dụng.

For and on behalf of the Members/Đại diện hợp pháp của các Thành viên

[Signature, full name and title]/[Ký, ghi rõ họ tên và chức danh]

Form 5. Release Letter template

(if expert is working full-time at a state-owned units or non-state agencies)

(Applied for an individual consultant who is a full-time employee of an organization and only be requested to submit before the signing of consulting service contract)

(Áp dụng cho tư vấn cá nhân là nhân viên toàn thời gian cho một tổ chức và chỉ được yêu cầu nộp trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn)

[LETTERHEAD OF CONFIRMATION LETTER ISSUED]

RELEASE LETTER - THƯ XÁC NHẬN

Date & Time

Ngày

To: WWF-Viet Nam

Kính gửi: WWF-Viet Nam

The [Name of the Organization] agrees that:

[Tên tổ chức] đồng ý:

Mr/Ms. [Name of Consultant], [Job title in the organization]

ID Number: issued by: dated:

Mr/Ms. [Tên tư vấn], [Chức vụ]

Số CMT: cấp tạingày

Has been approved by [Name of the Organization] to provide independent consulting services for WWF-Viet Nam on [Name of the consultancy assignment] under [Project name] during the time, tentatively from [when] to [when].

[Tên tổ chức] đồng ý cho phép ông/bà [Tên tư vấn] thực hiện dịch vụ tư vấn độc lập cho tổ chức WWF Việt Nam trong khuôn khổ dự án. [Tên dự án] trong khoảng thời gian dự kiến từđến

During this consultancy assignment, Mr/Ms. [Name of the Consultant] commits to:

- Implement the consultancy services outside of the official working hours of his/her employer or during his/her approved annual leave.
- Implement the consultancy services outside of his regular duties assigned by his/her employer.

Trong thời gian thực hiện dịch vụ tư vấn này, Ông/bà. [Tên tư vấn] cam kết:

- Thực hiện các dịch vụ tư vấn ngoài giờ làm việc chính thức quy định bởi [Tên tổ chức] hoặc trong thời gian nghỉ phép của Ông/Bà [Tên tư vấn]
- Thực hiện các công việc tư vấn độc lập ngoài phạm vi nhiệm vụ chính thức được giao tại [Tên tổ chức]

Sincerely,

Trân trọng,

(Sign or seal according to the internal authority of the certifying organization

(Ký đóng dấu hoặc đóng dấu theo thẩm quyền nội bộ của tổ chức xác nhận)

Form 6. Financial Proposal/Đề xuất tài chính

FINANCIAL PROPOSAL

For [insert number and name of the package]

[Location, Date]

TO: WWF-Viet Nam

No.6, Lane 18 Nguyen Co Thach Str., Tu Liem Dist., Hanoi

Email: procurement@wwf.org.vn

Dear Sirs/Madams/Kính gửi Quý Cơ quan,

We, the undersigned, offer to provide the consulting services for **[insert number and name of the package]** in accordance with your Request for Proposal dated [Insert Date] and our Technical Proposal/Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, trân trọng đề xuất cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu [ghi số và tên gói thầu] theo đúng Hồ sơ yêu cầu (RFP) ngày [ghi ngày] của Quý Cơ quan và Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của chúng tôi

Our attached Financial Proposal is for the amount of [Indicate the corresponding to the amount(s) currency(ies)] [Insert amount(s) in words and figures], including of all indirect local taxes. The estimated amount of local indirect taxes is [Insert currency] [Insert amount in words and figures] which shall be confirmed or adjusted, if needed, during negotiations/ Đề xuất tài chính đính kèm của chúng tôi có tổng giá trị là [ghi loại tiền tệ tương ứng] [ghi giá trị bằng số và bằng chữ], bao gồm toàn bộ các loại thuế gián thu trong nước. Giá trị ước tính của các loại thuế gián thu trong nước là [ghi loại tiền tệ] [ghi giá trị bằng số và bằng chữ], và sẽ được xác nhận hoặc điều chỉnh (nếu cần) trong quá trình đàm phán hợp đồng.

Our Financial Proposal shall be binding upon us subject to the modifications resulting from Contract negotiations, up to expiration of the validity period of the Proposal/Đề xuất tài chính của chúng tôi có giá trị ràng buộc đối với chúng tôi, tùy thuộc vào các điều chỉnh phát sinh từ quá trình đàm phán hợp đồng, cho đến khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

We understand you are not bound to accept any Proposal you receive/Chúng tôi hiểu rằng Quý Cơ quan không có nghĩa vụ phải chấp nhận bất kỳ Hồ sơ đề xuất nào nhận được.

We remain/Trân trọng,

Yours sincerely,

Signature and seal/Chữ ký và đóng dấu:in the capacity of.....

Duly authorized to sign tenders for and on behalf of/Đại diện hợp pháp của Nhà thầu:

.....

(IN BLOCK CAPITALS/VIẾT CHỮ IN HOA)

FINANCIAL PROPOSAL/ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH – COST BREAKDOWN/BẢNG BỐC TÁCH CHI PHÍ

Detailed Cost Calculation for Package [insert number and name of the package]/Bảng tính chi phí chi tiết cho gói thầu [ghi số và tên gói thầu]

<u>1. Remuneration</u>	<u>Unit</u>	<u>Quantity</u>	<u>Unit Rate</u>	<u>Amount</u>
<u>1.1. Deliverable 1</u>				
<u>1.1.1 Team Leader</u>				
<u>1.1.2 Expert 1</u>				
<u>1.1.3 Expert 2</u>				
∴				
<u>1.2 Deliverable 2</u>				
<u>1.2.1 Team Leader</u>				
<u>1.2.2 Expert 1</u>		∴		
<u>1.2.3 Expert 2</u>		∴		
∴				
<u>1.3. Deliverable 3</u>				
<u>1.3.1 Team Leader</u>				
<u>1.3.2 Expert 1</u>				
<u>1.3.3 Expert 2</u>		∴		
∴				
<u>Sub-total</u>				
<u>2. Allowance, Accommodation, Complementary Travel Costs</u>				
<u>2.1 Allowance, accommodation - Long-term staff</u>		∴		

<u>2.2 Allowance, accommodation - Short-term staff</u>		...		
...				
<u>Sub-total</u>				
<u>Travel & Transport Cost</u>				
<u>3.1 Vehicle lease/rent</u>		...		
<u>3.2 Other local transport (short-term, peak)</u>		...		
<u>3.3 Flights</u>		...		
...				
<u>Sub-total</u>				
<u>4. Reports and Documents</u>				
<u>4.1 ... (Type of reports/documents to be stated)</u>		...		
<u>4.2 ...</u>		...		
<u>Sub-total</u>				
...				
<u>Total (net of taxes)</u>				
<u>Taxes</u>				
<ul style="list-style-type: none"> - <u>State the VAT percentage applied</u> - <u>In case Personal Income Tax (PIT) is applied, calculate the PIT as: PIT= (Total (net of taxes)/0.9)*10%</u> 				
<u>Grand – Total</u>				

Annex 3: WWF General Terms and Conditions

GENERAL TERMS AND CONDITIONS for purchasing of goods and/or services - WWF-World Wide Fund for Nature (formerly World Wildlife Fund)

Article 1. Definitions

1.1 WWF INTERNATIONAL:

WWF-World Wide Fund for Nature (formerly World Wildlife Fund), a Swiss foundation pursuant to Articles 80 ff of the Swiss Civil Code, No. CH-550.0.128.920-7, with its registered address at Rue Mauverney 28, 1196 Gland, Switzerland. To achieve its primary and other objectives, WWF INTERNATIONAL finances and organizes nature conservation projects..

1.2 The counterparty:

The natural or legal person with which WWF INTERNATIONAL contracts an agreement for the purchase/delivery of goods, the performance of services or activities, or any other contract.

1.3 Processing of personal data:

The processing and/or editing of personal data, as defined in the General Data Protection Regulation UE 2016/679, supplied by WWF INTERNATIONAL to the counterparty (or third party engaged by the counterparty) in the context of a contract between WWF INTERNATIONAL and the counterparty.

1.4 Controller/processor:

The party responsible for the data processing (the controller) is WWF INTERNATIONAL ; the processor is the natural or legal person processing the data at the instruction of WWF INTERNATIONAL and who is not subject to the direct authority of WWF INTERNATIONAL.

Article 2. Applicability

2.1 These General Terms and Conditions apply to all agreements between WWF INTERNATIONAL and the counterparty under which WWF INTERNATIONAL receives/has received one or more goods from the counterparty and/or under which one or more (specified) activities have been performed and/or services rendered for WWF INTERNATIONAL, as well as all offers and quotes of WWF INTERNATIONAL and/or agreements under which WWF INTERNATIONAL delivers one or more goods and/or performs one or more (specified) activities and/or renders one or more (specified) services to the counterparty, as well as any other agreement between WWF INTERNATIONAL and the counterparty.

2.2 WWF INTERNATIONAL explicitly rejects any general terms and conditions or other conditions used and/or declared applicable by the counterparty, even where the counterparty makes specific reference to such terms and conditions. Applicability of the terms and conditions of the counterparty must be explicitly agreed in writing by WWF INTERNATIONAL.

2.3 In the event of a conflict between the provisions of an agreement between WWF

INTERNATIONAL and the counterparty on the one hand, and the provisions of these General Terms and Conditions on the other hand, the provisions of the agreement prevail.

2.4 In the event of a conflict between these General Terms and Conditions and the provisions of the general terms and conditions of the counterparty declared applicable in observance of article 2.2, the provisions of these General Terms and Conditions prevail.

Article 3. Performance of the services

3.1 An agreement for the delivery of goods or an agreement for the performance of activities/ services is contracted either by a separate written agreement, the placement of a written order by WWF INTERNATIONAL or a quote issued by the counterparty which is signed by WWF INTERNATIONAL

In the above cases, these General Terms and Conditions will apply in accordance with art. 2.1.

3.3 The content of the agreement may not differ from the content stated by WWF INTERNATIONAL in the order, whether that content is stated prior to or after a quote is issued by the counterparty, unless WWF INTERNATIONAL consents to any different content in writing.

3.4 The counterparty is not permitted to transfer the rights and/or obligations under the agreement, whether in whole or in part, to third parties, unless WWF INTERNATIONAL has granted its prior written consent.

3.5. The counterparty is retained as an independent contractor and is not engaged in an employee-employer relationship, partnership, joint venture, or agency contract of any kind with WWF International or any of its programme offices.

The counterparty has no authority to create any obligation, express or implied, on behalf of WWF International.

The counterparty does not and may not assume to represent WWF International unless authorized to do so by WWF International in writing.

Article 4. Warranty

4.1 The counterparty warrants the soundness of the goods delivered or activities/services performed, and the counterparty warrants the accuracy of the specifications thereon provided by the counterparty. The counterparty will also ensure that the goods delivered and/or activities/services performed are in compliance with applicable law.

4.2 If within one (1) year after approval by WWF INTERNATIONAL, faults in the goods delivered (including, but not limited to, material and manufacturing faults in the materials used by the counterparty not provided by WWF INTERNATIONAL) or shortcomings in the activities/services performed are observed, then the counterparty must either repair/replace the goods or remedy the fault/shortcoming, at its own cost, without prejudice to WWF INTERNATIONAL's entitlement to reimbursement of damages.

4.3 The warranty will not extend to less than the remedying of all faults arising during the

agreed warranty period, with the exception of those resulting from normal wear and tear or obsolescence, immediately and in full, following notification to the counterparty, at no cost. The warranty does not limit WWF INTERNATIONAL's entitlement to compensation of damages.

4.4 The warranty period will commence on the day on which the goods are actually put into use by WWF INTERNATIONAL.

4.5 In the event of repair or replacement during the warranty period, the warranty period will be deemed to have restarted from the date of repair or replacement.

Article 5. Force majeure

5.1 In the event of a temporary or permanent state of force majeure on the part of the counterparty, WWF INTERNATIONAL is temporarily or permanently discharged from the obligations under the agreement, and WWF INTERNATIONAL is also entitled to consider the agreement as dissolved. In that case, the counterparty is not entitled to compensation of damages.

5.2 For the purposes of this agreement, force majeure is defined as force majeure within the definition of the Swiss Civil Code. In any event, this definition does not include the non-fulfilment or late fulfilment by a third party of its obligations towards the counterparty.

5.3 In the event of a temporary state of force majeure on the part of WWF INTERNATIONAL, WWF INTERNATIONAL is authorized to extend the terms within which the agreement is to be performed by the period in which the temporary state of force majeure is in effect.

Article 6. Payment

6.1 Payment by WWF INTERNATIONAL will be made within thirty (30) days after acceptance or approval of the goods and/or services and/or activities or, if the date of receipt of the counterparty's invoice is after that thirty day period, within thirty (30) days after that date.

6.2 WWF INTERNATIONAL is at all times authorized to deduct claims of WWF INTERNATIONAL against the counterparty from the counterparty's claims.

6.3 If the counterparty assigns or pledges its claim against WWF INTERNATIONAL to a third party, WWF INTERNATIONAL must be notified thereof by means of a registered letter, failing which WWF INTERNATIONAL may settle this claim by payment to the counterparty despite the assignment or pledge. In such cases, the counterparty will indemnify WWF INTERNATIONAL from any actions of that third party.

6.4 Unless it has been determined otherwise in the agreement, the counterparty is not entitled to charge price-increasing factors which have arisen after the issue of the quote

or the contracting of the agreement to WWF INTERNATIONAL.

6.5 The counterparty can only charge price increases as a result of additional work if WWF INTERNATIONAL has consented in writing to the performance of that additional work at the price in question.

Article 7. Liability

7.1 If the counterparty remains partly or fully in default of the fulfilment of its obligations under the agreement, WWF INTERNATIONAL is authorized to either suspend the fulfilment of its obligations under the agreement or to consider the agreement dissolved, at the choice of WWF INTERNATIONAL. In either case, WWF INTERNATIONAL is authorized to charge all damages to the counterparty.

7.2 In the situation referred to in article 7.1, WWF INTERNATIONAL may assign the further performance of the agreement to a third party, at the counterparty's expense.

7.3 In the event of non-fulfilment by the counterparty of one or more of its obligations under the agreement, WWF INTERNATIONAL is authorized to charge extrajudicial costs to the counterparty in the event that WWF INTERNATIONAL is obliged to charge a third party with the handling of the matter.

7.4 The counterparty indemnifies WWF INTERNATIONAL in the broadest sense of the word for all damages or damages claims (including, but not limited to the tax authorities based on any alleged employment contract between the parties) relating to and/or resulting from an agreement with the counterparty, excepting where WWF INTERNATIONAL can be held liable on the basis of the provisions of the present article.

7.5 Unless agreed otherwise in writing, WWF INTERNATIONAL cannot be held liable for any damages relating to and/or resulting from an agreement with the counterparty, unless these damages are the direct consequence of intent or gross negligence on the part of WWF INTERNATIONAL and these damages are attributable to WWF INTERNATIONAL pursuant to the law.

7.6 Under no circumstances is WWF INTERNATIONAL liable for damages and/or costs of any nature and/or amount whatsoever that are in any way related to or result from actions, omissions, errors and/or the quality of the work of third parties that are engaged by WWF INTERNATIONAL in the performance of the agreement, even in the event of intent or gross negligence on the part of these third parties.

7.7 If and insofar as – despite the provisions of the present article – it should turn out that WWF INTERNATIONAL bears any liability under any title whatsoever, this liability is at all times limited to the contractual interest (per year) of the contract in question, or at least to the amount paid out by WWF INTERNATIONAL's liability insurance, in either case up to

a maximum of 250.000,- Swiss francs.

7.8 Every claim of the counterparty against WWF INTERNATIONAL expires one (1) year after the termination and/or completion of the performance of the agreement to which the claim pertains, unless the fact on which the legal claim is based could not have been observed within this period, in which case the legal claim in question expires one (1) year after the moment at which the relevant fact could have or should have been observed by the counterparty.

7.9 The counterparty indemnifies WWF INTERNATIONAL against all claims of third parties in regard to the agreements implemented by WWF INTERNATIONAL, unless it becomes established at law that these claims are a consequence of intent or gross negligence of WWF INTERNATIONAL, and, moreover, the counterparty demonstrates that it is blameless in this regard.